UBND TỈNH THÁI NGUYÊN

**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**

**\*\*\***

****

**HỒ SƠ MẪU**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế**

**diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác**

##### Thái Nguyên, năm 2022

***Võ Nhai, tháng 10 năm 2018***

|  |  |
| --- | --- |
| **Trình tự thực hiện** | Bước 1: Chủ dự án có văn bản đề nghị phê duyệt phương án trồng rừng thay thế đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên nơi có diện tích đất trồng rừng thay thế; - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận và hẹn ngày trả kết quả cho Chủ dự án ngay khi tiếp nhận hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm thông báo cho Chủ dự án ngay khi nhận được hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; bằng văn bản trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đối với trường hợp nộp bằng phương thức khác. Bước 2: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của Chủ dự án, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoàn thành thẩm định. Trường hợp cần xác minh thực địa về hiện trạng diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, địa điểm dự kiến trồng rừng thay thế, thời gian hoàn thành thẩm định phương án trồng rừng thay thế được kéo dài thêm, nhưng không quá 15 ngày làm việc. Thành phần Hội đồng thẩm định gồm đại diện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có diện tích đất trồng rừng thay thế; có thể mời đại diện tổ chức khoa học có liên quan. Số thành viên Hội đồng ít nhất là 05 người, trong đó 01 lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm chủ tịch Hội đồng. Trường hợp dự án có tổng diện tích trồng rừng thay thế dưới 10 hec-ta thì Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định thành phần Hội đồng thẩm định với số lượng thành viên ít hơn. Bước 3: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành thẩm định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết tắt là UBND cấp tỉnh) xem xét, phê duyệt phương án trồng rừng thay thế. Trường hợp không đề nghị UBND cấp tỉnh xem xét, phê duyệt phương án trồng rừng thay thế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo rõ lý do bằng văn bản đến Chủ dự án nếu rõ lý do. Bước 4: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị phê duyệt phương án của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp tỉnh phê duyệt phương án trồng rừng thay thế, gửi kết quả đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Chủ dự án. Trường hợp không phê duyệt, UBND cấp tỉnh thông báo rõ lý do bằng văn bản cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Chủ dự án. |
| **Cách thức thực hiện** | Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công, trực tuyến tại cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh hoặc qua đường bưu điện, dịch vụ bưu chính |
| **Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ** | - Phương án trồng rừng thay thế theo mẫu tại Phụ lục I kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2019( Bản chính)  - Văn bản đề nghị phê duyệt theo mẫu tại Phụ lục II kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2019( Bản chính)  - Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các tài liệu khác có liên quan (nếu có); Trường hợp hồ sơ là bản bằng chữ nước ngoài phải có bản dịch ra tiếng Việt. ( Bản sao) |
| **Số bộ hồ sơ** | 01 |
| **Thời hạn giải quyết** | Trong thời hạn 35 (ba mươi lăm ngày) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ |
| **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính** | Công dân Việt Nam, Cán bộ, công chức, viên chức, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã |
| **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính** | Quyết định hành chính |
| **Phí** |  |
| **Lệ phí** |  |
| **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai** |  |
| **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính** |  |
| **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính** | Thông tư số 13/2019/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2019 của Bộ NN&PTNT |

**DANH MỤC THÀNH PHẦN HỒ SƠ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giấy tờ** | **Số lượng** | **Loại giấy tờ** |
| 1 | Văn bản đề nghị phê duyệt theo mẫu tại Phụ lục II kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2019( Bản chính) | 01 | Bản chính |
| 2 | Phương án trồng rừng thay thế theo mẫu tại Phụ lục I kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2019( Bản chính) | 01 | Bản chính |
| 3 | Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các tài liệu khác có liên quan (nếu có); Trường hợp hồ sơ là bản bằng chữ nước ngoài phải có bản dịch ra tiếng Việt. ( Bản sao) | 01 | Bản sao |

**Phụ lục II**

**ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN TRỒNG RỪNG THAY THẾ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 10 năm  
2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

*--------------------*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CƠ QUAN**………………  ------------------------  Số:......../…………..  V/v Đề nghị phê duyệt phương án  trồng rừng thay thế diện tích  rừng chuyển sang mục đích khác | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  ------------------  *......, ngày......tháng ....năm........* |

Kính gửi :................................................................

Tên Chủ dự án:

Địa chỉ:

Căn cứ Thông tư số …../2019/TT-BNNPTNT ngày / /2019 của

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác,…………. (tên Chủ dự án) đề nghị................phê duyệt phương án trồng rừng thay thế như sau:

1. Tổng diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác:……………………

2. Loại rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác

a) Theo mục đích sử dụng rừng (đặc dụng, phòng hộ, sản xuất):…………………………...

b) Theo nguồn gốc hình thành (rừng tự nhiên, rừng trồng):

3. Diện tích đất để trồng rừng thay thế:

- Vị trí trồng rừng thay thế: thuộc khoảnh …..,tiểu khu...., *xã....,* huyện...., tỉnh...

- Thuộc đối tượng đất quy hoạch cho phát triển rừng (đặc dụng, phòng hộ, sản xuất):…

4. Kế hoạch trồng rừng thay thế

- Loài cây trồng

- Mật độ

- Phương thức trồng (hỗn giao, thuần loài):

- Chăm sóc, bảo vệ rừng trồng: ...........................................................................................

- Thời gian và tiến độ trồng (chi tiết cho từng năm)

- Xây dựng đường băng cản lửa (km) .................................................................................

- Mức đầu tư/ha theo đơn giá do UBND cấp tỉnh quyết định (triệu đồng): .............................

- Tổng vốn đầu tư trồng rừng thay thế.........................(tên Chủ dự án) cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật hiện hành, nếu vi phạm hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  -……….;  -……….;  -……….; | **CHỦ DỰ ÁN**  *(ký tên, họ và tên, đóng dấu)* |

**Phụ lục I**

**PHƯƠNG ÁN TRỒNG RỪNG THAY THẾ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 10  
năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

*----------------------*

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHỦ DỰ ÁN CÓ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC**

(Khái quát về tên Chủ dự án, quyết định thành lập, địa chỉ, số tài khoản,ngân hàng giao dịch, lĩnh vực hoạt động,….)

**II. CĂN CỨ XÂY DỰNG**

…….

…….

**III. THÔNG TIN VỀ DIỆN TÍCH RỪNG DỰ KIẾN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC**

1. Tên dự án:

.......................

……………...

2. Thông tin về diện tích rừng dự kiến chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (thống kê theo lô rừng)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Lô | Vị trí | | | Diện  tích  (ha) | Chia ra | | | | |  | |
| Khoảnh | Tiểu  khu | Đơn vị hành chính (xã, huyện, tỉnh) | Phân theo nguồn gốc (ha) | | Phân theo mục đích sử dụng (ha) | | | Trữ lượng | |
| Rừng  tự  nhiên | Rừng  trồng | Rừng  đặc  dụng | Rừng  phòng  hộ | Rừng  sản  xuất | Trữ  lượng  gỗ  (m3) | Tre,  nứa,.  (cây) |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| 1 |  | … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  | … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| …. |  | …. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng** |  | …. | …. | …. | …. | …. | …. | …. | …. | …. | …. | …. |

3. Mục đích sử dụng đối với diện tích rừng sau khi chuyển mục đích sử dụng

……………………..

……………………..

**IV. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN TRỒNG RỪNG THAY THẾ**

1. Diện tích đất trồng rừng thay thế:

- Vị trí trồng: thuộc lô khoảnh..., tiểu khu.... xã huyện....tỉnh...

- Thuộc đối tượng đất quy hoạch cho phát triển rừng (phòng hộ, đặc dụng, sản xuất):……....

2. Kế hoạch trồng rừng thay thế: Xác định loài cây, mật độ, phương thức trồng, chăm sóc theo Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về các biện pháp lâm sinh.

- Loài cây trồng

- Mật độ

- Phương thức trồng (hỗn giao, thuần loài):.........................................................................

- Chăm sóc, bảo vệ rừng trồng:…………………………………………………………………..

- Thời gian và tiến độ trồng (chi tiết cho từng năm)...............................................................

- Xây dựng đường băng cản lửa (km) ………

- Mức đầu tư/ha theo đơn giá do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định (triệu đồng):…………..

- Tổng vốn đầu tư trồng rừng thay thế ……

**V. KIẾN NGHỊ**

………………………………………………………………………………………………………….

………………………………………………………………………………………………………….

………………………………………………………………………………………………………….

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  -……….;  -……….;  -……….; | **CHỦ DỰ ÁN**  *(ký tên, họ và tên, đóng dấu)* |